

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số 110 ngày 2 tháng 12 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi: ☐

Mẫu số 09

Mã hiệu:

Số: 06

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Mầm non Núa Ngam

2. Mã đơn vị: 1096032

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: 8903201006371 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Mường Thanh Điện Biên

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển Lương tháng 12 năm 2025

(Đơn vị: Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập p tăn g thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền kho ăn	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			435.119.983	431.466.056	3.653.927			0			
I.	Đối với công chức, viên chức			431.466.056	431.466.056							
1	Triệu Thủy Chinh	8903336661982	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	19.390.831	19.390.831							
2	Lò Thị Yến	8903333346789	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	21.703.453	21.703.453							
3	Nguyễn Thị Thúy	8903088880888	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.765.182	14.765.182							
4	Phạm Thị Liễu	8903215035757	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	18.285.883	18.285.883							
5	Hạ Thị Tinh	8903939793979	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	16.986.666	16.986.666							
6	Lê Thị My	8903215035770	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.622.882	14.622.882							
7	Cà Thị Thiên	8903215035728	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	16.166.683	16.166.683							
8	Hà Thị Mai	8903215035684	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.699.324	14.699.324							
9	Lò Thị Thu	8903215035690	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	16.043.328	16.043.328							
10	Nguyễn Thị Nga	8903215035705	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	21.077.098	21.077.098							

8903201006371

11	Lê T Thu Hiền	8903215035711	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	12.099.945	12.099.945							
12	Lương Thị Mai	8903215035792	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	12.099.945	12.099.945							
13	Lương Việt Hà	8903215035807	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	20.290.441	20.290.441							
14	Phạm T Thu Hằng	8903215035813	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	16.250.246	16.250.246							
15	Triệu Thị Loan	8903205092697	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	19.337.753	19.337.753							
16	Phạm Thị Thành	8903215036280	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.751.442	14.751.442							
17	Quảng Thị Chung	8903205063828	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	20.167.791	20.167.791							
18	Lò Thị Thanh Tâm	8903215020244	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	16.636.850	16.636.850							
19	Lò Thị Mai	8903215035632	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.428.503	14.428.503							
20	Hoàng Thị Luận	8903215035655	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	13.907.500	13.907.500							
21	Đào Thị Huệ	8903215035865	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.231.557	14.231.557							
22	Cà Thị Tiệp	8903215035786	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	13.380.157	13.380.157							
23	Lò Thị Vân	8903215035820	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	10.972.616	10.972.616							
24	Nguyễn Thị Hồng	8903205047713	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	9.757.326	9.757.326							
25	Tòng Thị Đoàn	8903205099638	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	10.972.616	10.972.616							
26	Lò Thị Nang	8903215036851	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	14.687.985	14.687.985							
27	Lò Thị Thanh	8903205181247	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	8.493.030	8.493.030							
28	Trần Thị Cánh	8903223879999	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	9.285.822	9.285.822							
29	Nguyễn Thị Huyền	8903215035842	Agribank Chi Nhánh Mường Thanh Điện Biên	5.973.201	5.973.201							
II	Lao động hợp đồng theo nghị định 111/2022/NĐ-CP			3.653.927		3.653.927						
1	Trần Phạm Hùng	8903215035859	NHNoĐB	3.653.927		3.653.927						
III	Đối với LĐ hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo nghị định											

IV	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng								
V	Thanh toán cá nhân khác								

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi năm triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm tám mươi ba đồng./

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước

- Tổng số biên chế công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao: 29 Biên chế
Số biên chế công chức, viên chức tăng (giảm) trong: biên chế
- Tổng số hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao: 01 Hợp đồng
Số hợp đồng lao động tăng (giảm) trong tháng.....hợp đồng
- Số tiền đã chuyển lương và phụ cấp lương tháng trước: 431.466.056 đồng
- Số tiền chuyển lương và phụ cấp lương trong tháng : 431.466.056 đồng
 - Số tiền tăng Đồng
 - Số tiền giảm Đồng
 - Số tiền tăng (giảm) so với tháng trước:
- Tổng số tiền chuyển : 435.119.983

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Cánh

Giao dịch viên

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Cánh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày ...2... Tháng 12... Năm 2025



Triệu Thủy Chính

Ngày Tháng Năm 2025

Giám đốc KBNN Khu vực X